

Dự thảo

QUY ĐỊNH

Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2020/NQ-HĐND,
ngày ... tháng ... năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương II KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI

Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi

Khu vực không được phép chăn nuôi các loại vật nuôi (trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau:

| TT | Huyện, thị xã | Khu vực không được phép chăn nuôi và không được phép nuôi chim yến |
|----|-----------------|--|
| 01 | Huyện Cư Jút | Thị trấn Ea T'ling |
| 02 | Huyện Krông Nô | Tổ 1, 2,3,4,5,6,7 thuộc thị trấn Đắk Mâm |
| 03 | Huyện Đắk Mil | Thị trấn Đắk Mil |
| 04 | Huyện Đắk Song | Tổ 1,2,3,4,5,6,7,8 thuộc thị trấn Đức An |
| 05 | Huyện Đắk R'Lấp | Thị trấn Kiến Đức |
| 06 | Huyện Tuy Đức | Thôn 1,2,3,4 xã Đăk Buk So (trong phạm vi 500m tính từ vành đai các khu dân cư sinh sống). |

| | | |
|----|---------------------|---|
| | | <p>Khu vực Trung tâm hành chính UBND huyện Tuy Đức; khu vực gần trung tâm trụ sở UBND xã Đăk Buk So, khu vực gần bệnh viện và gần các Trạm Y tế xã, trường học, trụ sở UBND các xã (trong phạm vi 500m tính từ vành đai các khu vực).</p> <p>Khu vực dọc theo tuyến đường đi từ Chi cục Thuế huyện đến ngã ba bưu điện huyện và từ ngã ba bưu điện huyện theo đường một chiều quanh bờ hồ về đến đầu đường bon Bu Boong, xã Đăk Buk So (trong phạm vi 300m, tính từ chỉ giới xây dựng theo quy định).</p> |
| 07 | Huyện Đăk Glong | <p>Các khu dân cư hiện hữu và vùng Quy hoạch thị trấn Quảng Khê thuộc các thôn 1,2,3,4,5,6,7,10 và một phần thôn Quảng Long.</p> <p>Khu dân cư hiện hữu xã Quảng Sơn thuộc các thôn, bon: Quảng Tiến, Quảng Hợp, N'ting, R'Bút, N'Doh, Sa Nar, Phi Glê, Rlong Phe; Quy hoạch chung thị trấn Đức Xuyên và quy hoạch phân khu, khu trung tâm hành chính huyện Đức Xuyên tỉnh Đăk Nông tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của UBND tỉnh Đăk Nông</p> |
| 08 | Thành phố Gia Nghĩa | <p>Toàn bộ phường Nghĩa Thành</p> <p>Phường Nghĩa Trung: Tổ dân phố 1,2,3,4,5 và cụm dân cư số 1,2 thuộc Tổ dân phố 6.</p> <p>Phường Nghĩa Phú: Tổ dân phố 1,2,3,4,5,6.</p> <p>Phường Nghĩa Tân: Tổ dân phố 1,2,3 và khu vực từ đường Quốc lộ 14 đi vào trường Trung cấp nghề đến hết khu vực dự án Kết nối các trục đường khu đô thị số 04 thuộc Tổ dân phố 4.</p> <p>Phường Nghĩa Đức: Tổ dân phố 1, 2; cụm dân cư số 1,2,3,4 thuộc Tổ dân phố 3; cụm dân cư 1,2,3,4 thuộc Tổ dân phố 4; cụm dân cư số 01 khu vực gần trại giam, khu vực dọc Quốc lộ 28 thuộc Tổ dân phố 5.</p> <p>Xã Đăk Rmoan: Khu dân cư thôn Tân Hòa</p> <p>Phường Quảng Thành: Khu dân cư thôn Tân Tiến, Khu dân cư thôn Nghĩa Tín, Khu dân cư thôn Tân Thịnh, Khu dân cư thôn Tân Lập, dọc 02 bên đường Quốc lộ 14 đoạn qua phường.</p> <p>Xã Đăk Nia:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khu dân cư bon Phai Kol Pru Đăng (đường Quốc lộ 28 và 02 bên đường vào nghĩa trang thành phố, khoảng cách từ tim đường vào 100m). + Khu dân cư Bon Ting Wel Đom (dọc 02 bên đường Quốc lộ 28, khoảng cách từ tim đường vào 100m). + Khu dân cư Bon Srê Ú (dọc 02 bên đường quốc lộ 28, khu vực nhà văn hóa cộng đồng bon Srê Ú, khoảng cách từ tim đường vào 100m) + Bon N'Jriêng + Khu dân cư thôn Phú Xuân (từ công chào thôn đến nhà ông Trần Hữu Trung tại thôn Phú Xuân, khoảng cách từ tim đường vào trục thôn vào là 100m |

| | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Khu dân cư thôn Nghĩa Hòa (dọc 02 bên đường Quốc lộ 28, khoảng cách từ tim đường vào 100m) + Khu dân cư thôn Nghĩa Thuận (dọc 02 bên đường quốc lộ 28 và đường vành đai đi thôn Đồng Tiến, đường từ cổng chào thôn đến ngã 3 vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh, khoảng cách từ tim đường vào 100m. + Khu dân cư thôn Đồng Tiến (dọc theo 02 bên đường từ đầu thôn đến ngã ba đường sang thôn Nghĩa Thắng cũ, khoảng cách từ tim đường trực thôn vào 100m. + Khu dân cư bon Bu Sốp (dọc 02 bên đường Quốc lộ 28, đường trực bon, từ đầu bon đến ngã ba đường xuống đập thủy lợi Đắc Ri A, khoảng cách từ tim đường vào 100m). |
|--|---|

Điều 3. Ngoài các khu vực không được phép chăn nuôi tại Điều 2 Nghị quyết này, các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đăk Nông phải đáp ứng các điều kiện về chăn nuôi theo quy định tại Điều 54, Điều 55, Điều 56 Luật Chăn nuôi năm 2018 và các quy định hiện hành.

Chương III

VÙNG NUÔI CHIM YẾN

Điều 4. Vùng nuôi chim yến

a) Ngoài các khu vực được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thì các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh Đăk Nông được phép nuôi chim yến.

b) Đối với các nhà yến đã hoạt động nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì không thực hiện cưỡng chế di dời và phải thực hiện các quy định sau:

Phải giữ nguyên trạng, không được coi nới, mở rộng, nâng tầng nhà ở để làm nơi nuôi chim yến kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực và không được sử dụng loa phóng phát âm thanh.

Phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý nuôi chim yến.

Chương IV

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI RA KHỎI KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI

Điều 5. Tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Đăk Nông di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến khu vực được phép chăn nuôi thì được hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ chi phí di chuyển

Các cơ sở chăn nuôi khi thực hiện di dời vào khu vực được phép chăn nuôi sẽ được hỗ trợ chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt. Mức hỗ trợ như sau:

a) Nếu di chuyển cơ sở chăn nuôi trong phạm vi cùng một xã thì được hỗ trợ không quá ba triệu đồng/cơ sở (3.000.000 đồng/cơ sở), cụ thể:

Cơ sở chăn nuôi quy mô nhỏ: 1.000.000đ/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi quy mô vừa: 2.000.000đ/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi quy mô lớn: 3.000.000đ/cơ sở.

b) Nếu di chuyển cơ sở chăn nuôi trong phạm vi cùng một huyện, thị xã thì được hỗ trợ không quá năm triệu đồng/cơ sở (5.000.000 đồng/cơ sở), cụ thể:

Cơ sở chăn nuôi quy mô nhỏ: 3.000.000đ/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi quy mô vừa: 4.000.000đ/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi quy mô lớn: 5.000.000đ/cơ sở.

c) Nếu di chuyển cơ sở chăn nuôi đến các huyện, thị xã khác trong tỉnh thì hỗ trợ không quá bảy triệu đồng/cơ sở (7.000.000 đồng/cơ sở), cụ thể:

Cơ sở chăn nuôi quy mô nhỏ: 5.000.000đ/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi quy mô vừa: 6.000.000đ/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi quy mô lớn: 7.000.000đ/cơ sở.

d) Nếu di chuyển cơ sở chăn nuôi sang tỉnh khác thì hỗ trợ không quá mười triệu đồng/cơ sở (10.000.000 đồng/cơ sở), cụ thể:

Cơ sở chăn nuôi quy mô nhỏ: 8.000.000đ/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi quy mô vừa: 9.000.000đ/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi quy mô lớn: 10.000.000đ/cơ sở.

2. Hỗ trợ để ổn định đời sống và ổn định sản xuất

a) Hỗ trợ để ổn định đời sống, sản xuất

Đối với cơ sở chăn nuôi là hộ gia đình thuộc diện phải di dời thì được hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất trong thời gian 06 tháng. Mức hỗ trợ tương đương 30 kg gạo/nhân khẩu/01 tháng theo giá do Sở Công thương công bố tại thời điểm hỗ trợ.

Đối với cơ sở chăn nuôi là doanh nghiệp thuộc diện phải di dời thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận nhưng không quá 50.000.000 đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ người lao động trong thời gian ngừng sản xuất

Người lao động đang thực hiện hợp đồng lao động mà đã làm việc từ 06 tháng trở lên tại cơ sở sản xuất phải di dời tính đến thời điểm ngừng việc, trong thời gian ngừng việc được hỗ trợ 01 tháng tiền lương cho mỗi tháng ngừng việc (không quá mức lương tối thiểu vùng theo quy định hiện hành), nhưng tối đa không quá 06 tháng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn sự nghiệp kinh tế hàng năm của ngân sách tỉnh để bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép theo Quy định này.

Điều 7. Lộ trình thực hiện

Cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì trong thời hạn 05 năm (trước ngày 01/01/2025) phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp. Lộ trình thực hiện cụ thể như sau:

1. Từ ngày 01/8/2020 đến ngày 31/12/2022 tổ chức di dời và hỗ trợ đối với các cơ sở chăn nuôi tại địa bàn các phường thuộc thành phố Gia Nghĩa.
2. Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 tổ chức di dời đối với các cơ sở chăn nuôi khu vực thuộc thị trấn của các huyện.
3. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/01/2025 tổ chức di dời đối với các khu dân cư.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; ban hành các điều kiện, trình tự, thủ tục để hỗ trợ chính sách di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện./.

CHỦ TỊCH

Lê Diễn